**Phụ lục 1**. *Danh mục hồ sơ đăng ký LKĐT với NN*

**DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ LKĐT VỚI CSĐTNN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
|  | Đơn đề nghị phê duyệt LKĐT (mẫu 2) , 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt |  |
|  | Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác đào tạo (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt) |  |
|  | Quyết định thành lập Trường ĐH KHTN (bản sao có chứng thực) |  |
|  | Quyết định thành lập CSĐTNN hoặc các tài liệu tương đương khác (bản sao có chứng thực)  |  |
|  | Quyết định cho phép mở ngành đào tạo dự định LKĐT của Trường ĐH KHTN (bản sao có chứng thực) |  |
|  | Giấy tờ minh chứng CSĐTNN được phép đào tạo lĩnh vực/ ngành dự định LKĐT (bản sao có chứng thực) |  |
|  | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của Trường ĐH KHTN (bản sao có chứng thực) |  |
|  | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực) |  |
|  | Văn bản chấp thuật về mặt chủ trương cho phép LKĐT với nước ngoài của ĐHQG-HCM |  |
|  | Nội dung Đề án thực hiện LKĐT với CSĐTNN (mẫu 3) |  |
|  | Các phụ lục |  |
|  | Mẫu văn bằng thạc sĩ, tiến sĩ của CSĐTNN (nếu CSĐTNN cấp bằng) |  |
|  | Trích ngang danh sách giảng viên tham gia giảng dạy (mẫu 7) |  |
|  | Lý lịch khoa học giảng viên tham gia giảng dạy (kèm bản sao văn bằng giảng viên) |  |
|  | Lý lịch khoa học của người phụ trách chương trình |  |
|  | Đề cương môn học |  |
|  | Các phụ lục khác (nếu có) |  |

**Phụ lục 2**. *Danh mục hồ sơ gia hạn, điều chỉnh LKĐT với NN*

**DANH MỤC HỒ SƠ GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN LKĐT VỚI CSĐTNN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| 1 | Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh LKĐT với nước ngoài (mẫu 5). 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Anh hoặc bản song ngữ tiếng Anh – tiếng Việt |  |
| 2 | Thỏa thuận hoặc hợp đồng gia hạn (điều chỉnh) hợp tác đào tạo (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh hoặc bản song ngữ tiếng Anh tiếng Việt) |  |
| 3 | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của Trường ĐH KHTN (bản sao có chứng thực) |  |
| 4 | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực) |  |
| 5 | Văn bản kiến nghị các nội dung điều chỉnh trong Quyết định phê duyệt cấp phép và giải trình (nếu có). |  |
| 6 | Báo cáo tổng kết thực hiện chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ/ tiến sĩ ngành ........... giữa Trường Đại học Khoa học tự nhiên và ........... (mẫu 6) |  |
| 7 | Các phụ lục |  |
|  | Mẫu văn bằng thạc sĩ, tiến sĩ của CSĐTNN (nếu CSĐTNN cấp bằng) |  |
|  | Trích ngang danh sách giảng viên tham gia giảng dạy (mẫu 7) |  |
|  | Lý lịch khoa học giảng viên tham gia giảng dạy (kèm bản sao văn bằng giảng viên) |  |
|  | Đề cương môn học |  |
|  | Các phụ lục khác (nếu có) |  |

**Mẫu 1.** *Tờ trình phê duyệt chủ trương*

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /KHTN-SĐHV/v chủ trương cho phép LKĐT với nước ngoài trình độ thạc sĩ, tiến sĩ | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm* |
|  |  |

Kính gửi: Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh

1. Giới thiệu tổng quát về các bên liên kết đào tạo
* Giới thiệu các bên tham gia liên kết đào tạo
* Thông tin về kiểm định cơ sở giáo dục của các bên liên kết (*kèm minh chứng kiểm định của các bên hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền*)
1. Thông tin về chương trình liên kết
	1. Sự cần thiết
	2. Mục tiêu xây dựng chương trình liên kết trình độ thạc sĩ/ tiến sĩ ngành .............
	3. Tuyển sinh và quản lý đào tạo
2. Tên ngành/ chương trình đào tạo (*nêu rõ tên tiếng Việt và tiếng Anh*)
3. Trình độ đào tạo:
4. Đối tượng tuyển sinh
5. Phương thức tuyển sinh
6. Điều kiện ngoãi ngữ đầu vào
7. Văn bằng của đơn vị cấp bằng (*bản tiếng Việt và bản tiếng nước ngoài*)
8. Hình thức liên kết đào tạo
9. Chương trình đào tạo (*nêu rõ chương trình do cơ sở giáo dục nước ngoài cung cấp hay chương trình do 2 bên cùng xây dựng, đính kèm khung chương trình*)
10. Thông tin về kiểm định chương trình
11. Mô hình quản lý và vận hành chương trình
12. Điều kiện cơ sở vật chất, tài chính, học phí dự kiến
	1. Cơ sở vật chất
	2. Tài chính
	3. Học phí dự kiến

Trường Đại học Khoa học tự nhiên kính đề nghị Đại học Quốc gia TP.HCM xem xét và phê duyệt chủ trương cho phép LKĐT với nước ngoài trình độ thạc sĩ/ tiến sĩ ngành ..........

Trân trọng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên- Lưu VT, SĐH | **HIỆU TRƯỞNG****Trần Lê Quan** |

**Mẫu 2**. *Đơn đề nghị phê duyệt LKĐT với NN*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Independence – Freedom – Happiness**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

Ho Chi Minh City, ……………

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**REQUEST LETTER**

Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài ngành ....... trình độ thạc sĩ/ tiến sĩ

Approval of joint training program with foreign partners specializing in ……. at master's/doctoral level

Kính gửi: Đại học Quốc gia TP.HCM

To: Vietnam National University Ho Chi Minh City

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

We, the undersigned, will represent the Parties participating in joint training program, including

**Bên Việt Nam: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM**

**Representative of Vietnamese party: VNUHCM - UNIVERSITY OF SCIENCE**

* Trụ sở: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
* Head office: 227 Nguyen Van Cu, Ward 4, District 5, Ho Chi Minh City
* Điện thoại: (028) 62884499
* Phone: (+84 28) 62884499
* Website: <https://www.hcmus.edu.vn/>
* Quyết định thành lập: 1236/GDĐT ngày 30 tháng 3 năm1996 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo
* Establishment decision: 1236/GDDT dated March 30, 1996 by the Ministry of Education and Training

**Bên Nước ngoài:** (*tên CSGD nước ngoài*)

**Representative of the Foreign party:** *(name of the foreign educational institution)*

* Trụ sở:
* Head office
* Điện thoại:
* Phone:
* Website:
* Quyết định thành lập:
* Establishment decision

Đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM xem xét, phê duyệt liên kết đào tạo ngành ......... trình độ thạc sĩ/ tiến sĩ giữa Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM và (*tên CSGD nước ngoài*) với mục tiêu, phạm vi và thời gian hoạt động như sau:

We respectfully request the President of Vietnam National University Ho Chi Minh City to consider and approve the joint training program specializing … at master's/doctoral level between VNUHCM - University of Science and (name of foreign educational institution) with the objectives, scope and duration of activities are as follows

1. Mục tiêu và phạm vi của liên kết: (*ghi tóm tắt lĩnh vực dự định liên kết, trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh hàng năm và văn bằng cấp theo liên kết*)

1. Objectives and scope of joint training program: *(summary of the field of intended joint training program, training level, annual enrollment scale and degrees awarded under the joint training program*)

1. Thời gian hoạt động của liên kết:

2. Duration of the joint training program:

1. Nội dung liên kết: (*ghi tóm tắt*)
2. Content of joint training program: (in summary)

Chúng tôi xin cam kết:

We commit:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu đính kèm.

1. Taking full responsibility for the honesty and accuracy of the content of the Request letter and enclosed documents.

1. Chấp thuận nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Strictly following the provisions of Vietnamese law.

Các tài liệu gửi kèm đơn này gồm:

Documents attached to this application include:

1. Thỏa thuận (hợp đồng) hợp tác giữa các Bên liên kết.

1. Cooperation agreement (contract) between joint training parties.

1. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác.

2. Documents proving the legal status of the joint training parties: Copy of authentication of the establishment decision, or License to establish the educational institution, or Other equivalent documents.

1. Giấy chứng minh ngành, chuyên ngành được phép đào tạo của cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết.

3. Documents proving that Vietnamese and foreign educational institutions are allowed to operate the fields and majors included in the joint training program.

1. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

4. Certificate of quality accreditation of the foreign training program or quality recognition document from a competent authority.

1. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục Việt Nam

5. Approval document permitting joint training program with foreign countries from the competent authority for Vietnamese educational institutions.

1. Đề án liên kết đào tạo.

6. Joint training program project.

1. Các văn bản khác (nếu có)

7. Other documents (if any)

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN VIỆT NAM****VIETNAMESE PARTY****VNUHCM – UNIVERSITY OF SCIENCE****HIỆU TRƯỞNG****PRESIDENT** | **BÊN NƯỚC NGOÀI****FOREIGN PARTY**…………………………….(sign, sealed)**Full name** |

**Mẫu 3**. *Đề án LKĐT với NN*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm….

**ĐỀ ÁN**

Thực hiện liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ Thạc sĩ/ Tiến sĩ

giữa Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM và ........

(*Mẫu gồm các nội dung chính dùng để tham khảo*)

1. **SỰ CẦN THIẾT**

Mô tả sự cần thiết thực hiện liên kết đào tạo

1. **GIỚI THIỆU CÁC BÊN LIÊN KẾT**
2. Giới thiệu các bên liên kết
3. Quá trình hợp tác giữa các bên
4. Việc kiểm định của các bên liên kết
5. **NỘI DUNG LIÊN KẾT**
6. Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình.
	1. Mục tiêu chung
	2. Mục tiêu cụ thể
	3. Chuẩn đầu ra của chương trình
7. Đối tượng tuyển sinh, quy mô tuyển sinh
	1. Đối tượng tuyển sinh
	2. Quy mô tuyển sinh
8. Thời gian và chương trình đào tạo:
	1. Thời gian đào tạo
	2. Hình thức đào tạo
	3. Phương thức thực hiện chương trình
	4. Chương trình đào tạo
9. Tổ chức thực hiện liên kết
	1. Tổ chức giảng dạy (*phối hợp giảng dạy giữa giảng viên Việt Nam và nước ngoài. Đảm bảo giảng viên cơ hữu của ĐHQG-HCM phụ trách giảng dạy tối thiểu 30% chương trình* )
	2. Đánh giá môn học (*Thi, kiểm tra, …)*
	3. Điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng
10. Mẫu văn bằng tốt nghiệp
	1. Văn bằng Việt Nam cấp (nếu có)
	2. Văn bằng nước ngoài cấp: (tương đương văn bằng tốt nghiệp ngành …... của hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam)
	3. Minh chứng mẫu văn bằng (đính kèm phụ lục ...)
	4. Khả năng học tiếp lên các trình độ cao hơn đối với người được cấp văn bằng tốt nghiệp liên kết đào tạo.
11. Kế hoạch/ lộ trình triển khai thực hiện
12. Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng, địa điểm thực hiện liên kết
	1. Cơ sở vật chất
	2. Thiết bị sử dụng
	3. Địa điểm thực hiện liên kết
13. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy
	1. Danh sách trích ngang (mẫu 7)
	2. Lý lịch khoa học gần nhất của giảng viên, có chữ ký của GV, minh chứng về trình độ chuyên môn, năng lực sử dụng ngoại của ngữ giảng viên (đính kèm phụ lục ....)
14. Giáo trình, tài liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác
	1. Giáo trình
	2. Tài liệu tham khảo
	3. Thư viện
	4. Các điều kiện khác (nếu có)
15. **TÀI CHÍNH**
	1. Dự toán chi chương trình liên kết

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Số tiền | Tỷ trọng cho phép | Ghi chú |
| I | Tổng thu |  |  |  |  |
| 1 | Số tiền thu(Số SV x đơn giá) |  |  |  | Nếu tính bằng ngoại tệ thì phải có tỷ giá tạm tính |
| 2 | Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên |  |  | 3% |  |
| 3 | Thực thu (1-2) |  |  |  |  |
| II | Tổng chi |  |  |  |  |
|  | Chi xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu |  |  | 3% | Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài |
|  | Chi tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh |  |  | 10% |  |
|  | Tiền lương, tiền công bình quân giảng dạy theo chương trình trong 01 năm |  |  | 33% |  |
|  | Chi phí coi thi, chấm thi |  |  | 2% |  |
|  | Học bổng khuyến khích học tập |  |  | 3% |  |
|  | Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN |  |  | 8% |  |
|  | Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo |  |  |  | Nếu có |
|  | Thuế thu nhập doanh nghiệp |  |  |  | Theo quy định pháp luật |
|  | Thuế nhà thầu |  |  |  | Theo quy định pháp luật |
|  | Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành |  |  |  |  |
| **III** | **CHÊNH LỆCH THU – CHI** |  |  |  |  |
| **IV** | **TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH** |  |  |  | Theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/ TT-BTC |

* 1. Học phí
	2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác
	3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có)
	4. Dự kiến tình hình tài chính của chương trình LKĐT từ năm .... đến năm ....
1. **BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO**
	1. Biện pháp đảm bảo chất lượng
	2. Biện pháp quản lý rủi ro, bảo đảm quyền và lợi ích của người học trong trường hợp liên kết đào tạo chấm dứt trước thời hạn.
2. **CƠ CHẾ QUẢN LÝ LIÊN KẾT**
	1. Cơ cấu tổ chức quản lý liên kết đào tạo
		1. Ban điều hành đề án
		2. Ban Điều phối chương trình
		3. Quản lý học viên trong thời gian học tập tại Việt Nam và ở CSĐT nước ngoài
	2. Người đại diện các bên liên kết tham gia quản lý
		1. Đại diện bên Việt Nam (kèm lý lịch cá nhân trong phụ lục ....)
		2. Đại diện bên nước ngoài (kèm lý lịch cá nhân trong phụ lục ....)
	3. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết
		1. Trách nhiệm và quyền hạn của Trường ĐH KHTN
		2. Trách nhiệm và quyền hạn của CSĐT nước ngoài
	4. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo, người học và các bên liên quan khác
		1. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên
		2. Trách nhiệm và quyền hạn của người học
		3. Trách nhiệm và quyền hạn các bên liên quan khác (nếu có)

**PHỤ LỤC**

* 1. Mẫu văn bằng thạc sĩ, tiến sĩ của cơ sở đào tạo cấp bằng.
	2. Lý lịch khoa học của người phụ trách chương trình
	3. Trích ngang danh sách giảng viên.
	4. Lý lịch khoa học giảng viên tham gia giảng dạy (kèm bản sao văn bằng GV)
	5. Lý lịch khoa học của người phụ trách chương trình.
	6. Đề cương môn học.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên, đóng dấu, họ tên)

**Mẫu 4**. *Biên bản kiểm tra hồ sơ LKĐT với NN*

|  |  |
| --- | --- |
| ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ LKĐT VỚI CSĐTNN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Ghi chú** |
| Đúng yêu cầu | Cần bổ sung |
| 1 | Đơn đề nghị phê duyệt LKĐT  |  |  |
| 2 | Thỏa thuận hoặc hợp đồng hợp tác đào tạo (bản tiếng Việt và bản tiếng Anh) |  |  |
| 3 | Quyết định thành lập Trường ĐH KHTN (bản sao có chứng thực) |  |  |
| 4 | Quyết định thành lập CSĐTNN hoặc các tài liệu tương đương khác (bản sao có chứng thực)  |  |  |
| 5 | Quyết định cho phép mở ngành đào tạo dự định LKĐT của Trường ĐH KHTN (bản sao có chứng thực) |  |  |
| 6 | Giấy tờ minh chứng CSĐTNN được phép đào tạo lĩnh vực/ ngành dự định LKĐT (bản sao có chứng thực) |  |  |
| 7 | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của Trường ĐH KHTN (bản sao có chứng thực) |  |  |
| 8 | Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng giáo dục của cơ quan có thẩm quyền (bản sao có chứng thực) |  |  |
| 9 | Văn bản chấp thuận về mặt chủ trương cho phép LKĐT với nước ngoài của ĐHQG-HCM |  |  |
| 10 | Nội dung Đề án thực hiện LKĐT với CSĐTNN |  |  |
| 11 | Các phụ lục |  |  |
|  | Mẫu văn bằng thạc sĩ, tiến sĩ của CSĐTNN (nếu CSĐTNN cấp bằng) |  |  |
|  | Trích ngang danh sách giảng viên tham gia giảng dạy |  |  |
|  | Lý lịch khoa học giảng viên tham gia giảng dạy (kèm bản sao văn bằng giảng viên) |  |  |
|  | Lý lịch khoa học của người phụ trách chương trình |  |  |
|  | Đề cương môn học |  |  |

PHÒNG ĐT SAU ĐẠI HỌC

**Mẫu 5**. *Đơn đề nghị gia hạn (điều chỉnh) LKĐT với NN*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Independence – Freedom – Happiness**

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm ........*

Ho Chi Minh City, …………….

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**GIA HẠN (HOẶC ĐIỀU CHỈNH) LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**

**REQUEST LETTER**

**EXTENDING (OR ADJUSTING) JOINT TRAINING PROGRAM WITH FOREIGN PARTNERS**

Chương trình LKĐT đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ngành ............... giữa Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM và .....................................

Joint training program for master's and doctoral level specializing in ………. between University of Science, Vietnam National University Ho Chi Minh City and .......................

Kính gửi: Đại học Quốc gia TP.HCM

To: Vietnam National University Ho Chi Minh City

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết gồm:

We, the undersigned, will represent the Parties participating in joint training program, including:

**1. Bên Việt Nam: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM**

**1. Representative of Vietnamese party: VNUHCM - UNIVERSITY OF SCIENCE**

* Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, Q5, Tp.HCM
* Head office: 227 Nguyen Van Cu, Ward 4, District 5, City. Ho Chi Minh City
* Điện thoại: (028) 62884499
* Phone: (+84 28) 62884499
* Website: http://www.hcmus.edu.vn

**2. Bên nước ngoài:** *(tên cơ sở đào tạo nước ngoài)*

**2. Representative of the Foreign party:** *(name of the foreign educational institution)*

* Địa chỉ: ................................
* Head office: .......................
* Điện thoại: ...........................
* Phone: ......................
* Website: ......................

Đã được phép thực hiện liên kết ............................. theo Quyết định số ...................

Permitted to implement the joint training program .............................. according to Decision No. ...... ............

Kính đề nghị Đại học Quốc gia TP.HCM phê duyệt gia hạn liên kết nêu trên trong thời hạn: ........... năm.

We respectfully request the President of Vietnam National University Ho Chi Minh City to approve the extension joint training program of: …. year

**Nội dung và lý do đề nghị:**

**Content and reason of request**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**Chúng tôi xin cam kết**

**We commit:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn và Hồ sơ kèm theo.

1. Taking full responsibility for the honesty and accuracy of the content of this Request letter and accompanying documents.

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Strictly following the provisions of Vietnamese law.

**Tài liệu gửi kèm theo gồm:**

**Attached documents include:**

1. Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết kèm theo các minh chứng về quá trình tổ chức, thực hiện liên kết trong thời gian được cấp phép;

1. Report on the summary of joint training program activities, accompanied by verification of the process of organizing and implementing the joint training program during the licensed period;

1. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác đang còn hiệu lực giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt);

2. Valid cooperation agreement (Contract) between joint training parties (English version and Vietnamese version);

1. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài;

3. Certificate of quality accreditation of foreign training programs;

1. Kiến nghị các nội dung cần điều chỉnh (nếu có) trong Quyết định phê duyệt liên kết và giải trình.

4. Recommendation of contents that need to be amended (if any) in the Decision approving the joint training program and explanation.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN VIỆT NAM****VIETNAM PARTY****VNUHCM – UNIVERSITY OF SCIENCE****HIỆU TRƯỞNG****PRESIDENT** | **BÊN NƯỚC NGOÀI****FOREIGN PARTY**…………………………….(sign, sealed)**Full name** |

**Mẫu 6**. *Báo cáo tổng kết LKĐT với NN*

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM****TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN**Số: /KHTN-SĐH*V/v báo cáo tổng kết thực hiện chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ/ tiến sĩ ngành ........... giữa Trường Đại học Khoa học tự nhiên và ...........* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***Thành phố. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm ......* |

 Kính gửi: Ban Giám đốc, ĐHQG-HCM

1. **Tổng quan về chương trình liên kết**

**1. Cơ sở pháp lý** *(nêu các Quyết định cấp phép / gia hạn của ĐHQG-HCM từ khi bắt đầu đào tạo)*

**2. Ngành, trình độ, hình thức liên kết đào tạo và cấp văn bằng**

* Tên ngành/ chương trình đào tạo:
* Trình độ đào tạo:
* Hình thức liên kết: (học tại Việt Nam hoặc một phần học tại Việt Nam và một phần học tại nước ngoài)

- Văn bằng: (nêu tên văn bằng tiếng Anh, tiếng Việt)

**3. Địa điểm đào tạo** *(nêu địa điểm đào tạo từng giai đoạn, ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, fax, website, người đại diện của các bên liên kết);*

3.1. Cơ sở đào tạo tại Việt Nam

* Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Khoa học tự nhiên** (dưới đây viết tắt là Trường ĐH KHTN)
* Tên tiếng Anh: **University of Science**
* Địa chỉ: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận Q5, TP.HCM.
* Điện thoại: (028) 62884499
* Website: <https://www.hcmus.edu.vn/>
* Người đại diện ký văn bản hợp tác:

3.2 Cơ sở đào tạo nước ngoài tham gia Đề án

* Tên cơ sở đào tạo:
* Địa chỉ:
* Điện thoại:
* Website:
* Người đại diện ký văn bản hợp tác:
1. **Tình hình thực hiện chương trình liên kết**

**1. Công tác tuyển sinh**

* 1. Đối tượng tuyển sinh
	2. Phương thức tuyển sinh: (*ghi rõ phương thức tuyển sinh của từng năm nếu có thay đổi*)
	3. Điều kiện ngoại ngữ đầu vào: Trình độ ngoại ngữ tối thiểu bậc 4/6 theo khung năng lực Việt Nam (hoặc tối thiểu trình độ B2 theo khung năng lực châu Âu).
	4. Kết quả tuyển sinh.

Bảng 1: Thống kê số lượng sinh viên trúng tuyển, nhập học và tốt nghiệp

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Chỉ tiêu | Điểm trúng tuyển/xét tuyển | Số lượng trúng tuyển | Số lượng nhập học | Số lượng chuyển từ chương trình khác vào | Số lượng đang học (quy mô) |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**2. Quản lý đào tạo**

2.1. Chương trình đào tạo: (*nêu rõ chương trình của nước ngoài hay chương trình do hai bên cùng xây dựng*)

2.2. Ngôn ngữ đào tạo:

2.3. Đơn vị phụ trách đào tạo:

2.4. Phương pháp đánh giá học phần:

2.5. Điều kiện chuyển tiếp:

2.6. Điều kiện tốt nghiệp:

2.7. Đánh giá hiệu quả trên tổng số sinh viên chuyển tiếp/tốt nghiệp.

Bảng 2: Thống kê số lượng sinh viên đang học, chuyển chương trình, thôi học, chuyển tiếp, tốt nghiệp theo từng khóa

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm học | Số lượng nhập học | Số lượng chuyển từ chương trình khác vào | Số lượng thôi học | Số lượng tạm hoãn | Số lượng chuyển tiếp | Số lượng đang học (quy mô) | Số lượng tốt nghiệp | % chuyển tiếp/ nhập học | % tốt nghiệp/ nhập học |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Giảng viên**

3.1. Tiêu chí tuyển chọn giảng viên tham gia CT LKNN

3.2. Tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị đã tham gia giảng dạy:

3.3. Tổng số giảng viên của cơ sở giáo dục nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng đã tham gia giảng dạy

Bảng 3: Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy CTLKNN

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Họ tên giảng viên | Năm sinh | Học hàm, học vị | Chuyên ngành | Nơi tốt nghiệp (học vị cao nhất) | Trình độ ngoại ngữ | Kinh nghiệm trong giảng dạy CT LKNN | Ngành giảng dạy (đối với CT LKNN) | Học phần tham gia giảng dạy (CT LKNN) | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Bảng 4: Giảng viên của cơ sở giáo dục nước ngoài, giảng viên thỉnh giảng đã tham gia giảng dạy

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ tên giảng viên | Năm sinh | Học hàm, học vị | Chuyên ngành | Nơi tốt nghiệp (học vị cao nhất) | Trình độ ngoại ngữ | Kinh nghiệm trong giảng dạy CT LKNN  | Ngành giảng dạy (đối với CT LKNN) | Học phần tham gia giảng dạy (CT LKNN) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4. Cơ sở vật chất**

* Số lượng, diện tích phòng học đã sử dụng cho CT LKNN (*số lượng phòng học từ sử dụng chung; số lượng phòng học sử dụng riêng cho CT LKNN, ...*).
* Thư viện, số đầu sách và nguồn học liệu, ... từ cơ sở giáo dục nước ngoài
* Phòng thí nghiệm, thực hành ... (nếu có)
* Thiết bị, cổng thông tin điện tử, hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng internet, hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nội dung học tập, học liệu điện tử phải đáp ứng các quy định tại Thưng tư 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016; các phương tiện nghe nhìn bao gồm: máy tính, màn hình, màn chiếu, máy chiếu có độ lớn phù hợp với phòng học; đường truyền kết nối ổn định, thông suốt; học liệu trực tuyến có nội dung phù hợp với ngành học và có thể truy cập liên tục với tốc độ cao; phương tiện thu âm, ghi hình lưu trữ quá trình tổ chức đào tạo phục vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với các CT LKNN đào tạp trình độ thạc sĩ/ tiến sĩ theo hình thức trực tuyến và hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến.

**5. Biện pháp giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo**

5.1. Các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo:

5.2. Phương pháp quản lý học viên trong quá trình đào tạo (tại CSĐT và sau khi chuyển tiếp)

5.3. Các biện pháp hỗ trợ học viên:

5.4. Đánh giá mức độ hài lòng của sinh viên đối với CT LKNN trong quá trình đào tạo

5.5. Đánh giá của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với khả năng thích ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp CT LKNN

5.6. Kế hoạch khắc phục, cải tiến chất lượng chương trình.

**6. Tài chính** *(Mức học phí, các khoản được hỗ trợ, các khoản hỗ trợ sinh viên kèm Bản quyết toán thu chi hàng năm đối với CTLKNN)***.**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Số tiền | Ghi chú |
| I | Tổng thu |  |  |  |
| 1 | Số tiền thu(Số SV x đơn giá) |  |  | Nếu tính bằng ngoại tệ thì phải có tỷ giá tạm tính |
| 2 | Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên |  |  |  |
| 3 | Thực thu (1-2) |  |  |  |
| II | Tổng chi |  |  |  |
|  | Chi xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu |  |  | Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài |
|  | Chi tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh |  |  |  |
|  | Tiền lương, tiền công bình quân giảng dạy theo chương trình trong 01 năm |  |  |  |
|  | Chi phí coi thi, chấm thi |  |  |  |
|  | Học bổng khuyến khích học tập |  |  |  |
|  | Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN |  |  |  |
|  | Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo |  |  | Nếu có |
|  | Thuế thu nhập doanh nghiệp |  |  | Theo quy định pháp luật |
|  | Thuế nhà thầu |  |  | Theo quy định pháp luật |
|  | Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành |  |  |  |
| **III** | **CHÊNH LỆCH THU – CHI** |  |  |  |
| **IV** | **TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH** |  |  | Theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/ TT-BTC |

6.1. Học phí:

6.2. Lệ phí (nếu có):

6.3. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác:

6.4. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có):

6.5. Báo cáo tài chính của chương trình liên kết đào tạo giai đoạn trước: lập báo cáo thu – chi tài chính giai đoạn trước bao gồm đầy đủ các nội dung thu – chi cơ bản. Đối với thu học phí phải có số lượng học viên và mức thu của từng năm học, tối thiểu đối với các nội dung chi phải có lương, thù lao cho giảng viên và người lao động; đầu tư cơ sở vật chất thiết bị giảng dạy; học liệu, tài liệu học tập; chi cho kiểm tra, đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục, chi cho họ bổng học viên, chi cho công tác nghiên cứu khoa học của học viên và giảng viên của Trường, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và các khoản đóng góp, trích nộp theo quy định trên nguyên tắc đúng tỷ lệ % theo quy định của pháp luận và các văn bản liên quan.

6.6. Dự kiến tình hình tài chính của chương trình liên kết đào tạo từ năm ... đến năm ....

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Nội dung | Đơn vị tính | Số tiền | Tỷ trọng cho phép | Ghi chú |
| I | Tổng thu |  |  |  |  |
| 1 | Số tiền thu(Số SV x đơn giá) |  |  |  | Nếu tính bằng ngoại tệ thì phải có tỷ giá tạm tính |
| 2 | Trích nộp nghĩa vụ với cấp trên |  |  | 3% |  |
| 3 | Thực thu (1-2) |  |  |  |  |
| II | Tổng chi |  |  |  |  |
|  | Chi xây dựng khung chương trình, biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình tài liệu |  |  | 3% | Theo đúng thỏa thuận đã ký kết với cơ sở nước ngoài |
|  | Chi tuyển sinh và quảng bá tuyển sinh |  |  | 10% |  |
|  | Tiền lương, tiền công bình quân giảng dạy theo chương trình trong 01 năm |  |  | 33% |  |
|  | Chi phí coi thi, chấm thi |  |  | 2% |  |
|  | Học bổng khuyến khích học tập |  |  | 3% |  |
|  | Kinh phí đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN |  |  | 8% |  |
|  | Chi phí khấu hao TSCĐ trực tiếp phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo |  |  |  | Nếu có |
|  | Thuế thu nhập doanh nghiệp |  |  |  | Theo quy định pháp luật |
|  | Thuế nhà thầu |  |  |  | Theo quy định pháp luật |
|  | Chi phí khác liên quan đến việc mở ngành |  |  |  |  |
| **III** | **CHÊNH LỆCH THU – CHI** |  |  |  |  |
| **IV** | **TRÍCH LẬP CÁC QUỸ THEO QUY ĐỊNH** |  |  |  | Theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP và Thông tư 56/2022/ TT-BTC |

1. **Đánh giá chung**

**1. Thuận lợi, khó khăn**

1.1. Thuận lợi:

1.2. Khó khăn

**2. Đánh giá về mức độ thành công của CT LKNN**

**IV. Kiến nghị và đề xuất**

1. Kiến nghị:

1. Đề xuất

V. Các phụ lục kèm theo báo cáo

1. Các quyết định cho phép đào tạo CT LKĐT của ĐHQG-HCM

2. Hồ sơ minh chứng quá trình đào tạo

2.1. Chương trình đào tạo

2.2. Thông báo tuyển sinh từng khóa

2.3. Danh sách học viên xét tuyển từng khóa

2.4. Quyết định trúng tuyển, nhập học từng khóa

2.5. Danh sách học viên chính thức

2.6. Danh sách học viên phải tham gia khóa học ngoại ngữ để đạt điều kiện đầu vào theo đúng quy định (nếu có)

2.7. Danh sách đội ngũ giảng viên từn khóa (học vấn, trình độ ngoại ngữ và môn học tham gia giảng dạy)

2.8. Thời khóa biểu từng khóa

2.9. Quyết định/ thông báo danh sách học viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn học tại Việt Nam, đủ điều kiện được học chuyển tiếp đối với từng khóa

2.10. Danh sách học viên thôi học hoặc không đủ điều kiện tiếp tục theo học từng khóa (nêu rõ lý do)

2.11. Danh sách học viên đã tốt nghiệp; Bản sao văn bằng được cấp

2.12. Sổ cấp bằng tốt nghiệp đối với các chương trình LKNN đào tạo hoàn toàn tại Việt Nam

2.13. Báo cáo thu chi quyết toán từng khóa đào tạo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |
|  |  |

**Mẫu 7**. Trích ngang danh sách giảng viên

**TRÍCH NGANH DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Họ tên giảng viên | Năm sinh | Học hàm, học vị | Chuyên ngành | Nơi tốt nghiệp (học vị cao nhất) | Trình độ ngoại ngữ | Kinh nghiệm trong giảng dạy CT LKNN | Ngành giảng dạy (đối với CT LKNN) | Học phần tham gia giảng dạy (CT LKNN) | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |